

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỄN THÔNG MẠNH ĐOÀN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỄN THÔNG MẠNH ĐOÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301230441

3. Ngày thành lập: 10/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Lĩnh Mai, Xã Quảng Phú, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0967592345 - 0355685685

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa công ty sản xuất, kinh doanh	8299
22.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
23.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
24.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
25.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
26.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
27.	Lập trình máy vi tính	6201
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
29.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
30.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
31.	Cổng thông tin	6312
32.	Bán buôn tổng hợp	4690
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
35.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
39.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
40.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
41.	Đúc sắt, thép	2431
42.	Đúc kim loại màu	2432
43.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
44.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
45.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
46.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
47.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
48.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
49.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
50.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
51.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

55.	Bốc xếp hàng hóa	5224
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
57.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
58.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
59.	Hoạt động viễn thông khác	6190
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
61.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
62.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
65.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
67.	Xây dựng nhà để ở	4101
68.	Xây dựng nhà không để ở	4102
69.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
70.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
71.	Xây dựng công trình điện	4221
72.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
73.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
74.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
75.	Xây dựng công trình thủy	4291
76.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
77.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
78.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
79.	Phá dỡ	4311
80.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
81.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Cụ thể: Dây dẫn và thiết bị điện, Đường dây thông tin liên lạc, Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, Đèn vệ tinh, Hệ thống chiếu sáng, Chuông báo cháy, Hệ thống báo động chống trộm, Tín hiệu điện và đèn trên đường phố, Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình.	4321
82.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
83.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
84.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

